

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 5 – 2019.
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia**.

2. Ông **Trịnh Ngọc Thành**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Chềnh Sú H** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: 113/32/10 Tổ 5, Khu 6, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P** – sinh năm: 1992.

Địa chỉ: 150 Tổ 9, Ấp 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Chềnh Sú H trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị P** tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2015. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân thị trấn TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2015. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Từ tháng 10/2017, chị **P** bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị **Nguyễn Thị P**.

Về con chung: Anh và chị **P** không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị P: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập chị P đến Tòa án làm việc nhưng chị P không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của anh H và chị P (bản sao); Sổ hộ khẩu của anh H và chị P (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Đình Ph, ông Nguyễn Tấn V và ông Trần Ngọc C. Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh H và chị P đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, cho anh Chênh Sứ H được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

+ Về con chung: Anh H và chị P không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh H kê khai không có. Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Anh Chênh Sứ H phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Chênh Sứ H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P. Chị P đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Anh Chênh Sứ H và chị Nguyễn Thị P là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh H và chị P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú vào ngày 28/5/2015. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay anh H yêu cầu ly hôn với chị P thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H yêu cầu ly hôn vì tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập chị P đến Tòa án để hòa giải nhưng chị P không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của chị P không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và bàn bạc việc đoàn tụ (bút lục 30 – 32).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để anh H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh H là cho anh được ly hôn với chị P là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Anh H và chị P không có con chung nên anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H kê khai không có. Hiện nay vắng mặt chị P nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[6]. Về án phí: Anh Chênh Sứ H chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chềnh Sú H.
Cho anh Chềnh Sú H được ly hôn chị Nguyễn Thị P.
2. Về con chung: Anh H và chị P không có con chung.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.
4. Về án phí: Anh Chềnh Sú H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008391 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Anh H và chị P có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND thị trấn TP: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 66, cấp ngày 28/5/2015);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam